

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 6 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Xa Văn Nho.

2. Bà Nguyễn Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký TAND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi:
Ông Nguyễn Công Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cao Thị Thu H**, sinh năm 1982; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn An Bình, xã L, huyện B, tỉnh L.

2. Bị đơn: Anh **Trần Nam T**, sinh năm 1976; có mặt.

Địa chỉ: Xóm 2, thôn Hà Tây, xã T, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị Thu H vắng mặt, nhưng theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/12/2019, bản trình bày ngày 10/12/2019 chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh T tự nguyện tìm hiểu nhau một thời gian và tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Q vào ngày 18/02/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã L, huyện B, tỉnh L cho đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như sau: Trong khoảng thời gian chung sống mọi chuyện trong gia đình hay ở ngoài, dù là việc rất nhỏ, anh T cũng không làm và lo được cho gia đình một ngày nào. Anh T thường có thái độ chửi cả gia đình chị và còn thường xuyên đánh đập chị một cách vô cớ, anh còn đi quan hệ với người phụ nữ khác, thường xuyên nhậu nhẹt, chị đã vì con mà chịu đựng, khuyên nhủ anh rất nhiều, nhưng anh không sửa chữa, đến năm 2017 chị và con gái phải bỏ trốn và sống ly thân cho đến tận bây giờ. Trong khoảng thời gian sống ly thân, anh T cũng không biết sửa chữa mà còn tệ bạc hơn. Anh thường xuyên hăm dọa cả gia đình bên chị, đòi đánh, đòi giết cả gia đình chị, vào những lần chị nhờ làm giấy cho con, thì anh T luôn tống tiền mẹ con chị, hết lần này đến lần khác, dù là việc gì cũng đòi tiền. Nay chị không còn tình thương với anh T nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Trần Bảo H1, sinh ngày 25/10/2002 và Trần Minh H2, sinh ngày 03/10/2008.

Hiện nay cháu H1 đang ở với chị, cháu H2 đang ở với anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H1, còn anh T tiếp tục nuôi cháu H2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không cho ai vay mượn.

Bị đơn anh Trần Nam T trình bày tại bản tự khai ngày 19/12/2019 và tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Cao Thị Thu H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 18/02/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở huyện B, tỉnh L. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ trai gái ngoài đường, không lo cho gia đình, mặc dù anh đã nhắc nhở nhiều lần mà chị H không nghe, vợ chồng sống ly thân từ 2017 đến nay, nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì tình cảm không còn nữa. Tại phiên tòa anh yêu cầu phải có mặt chị H thì anh mới đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Trần Bảo H1, sinh ngày 25/10/2002 và Trần Minh H2, sinh ngày 03/10/2008.

Hiện nay cháu H1 đang ở với chị H, cháu H2 đang ở với anh. Khi ly hôn

anh đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi cháu H1, còn anh tiếp tục nuôi cháu H2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh đồng ý giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng với điều kiện chị H phải cho cháu H1 học hết cấp 3.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh sẽ có bản trình bày đến Tòa án sau. Tại phiên tòa anh xác định, vợ chồng không có nợ chung, còn chị H có nợ của ai hay không anh không biết. Không ai nợ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn đều tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong giai đoạn Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật: Căn cứ vào Điều 28; 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84, Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Trần Nam T.

+ Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung: Trần Bảo H1, sinh ngày 25/10/2002 và Trần Minh H2, sinh này 03/10/2008.

Giao cháu Trần Bảo H1 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Minh H2 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

+ Án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 10/12/2019 chị Cao Thị Thu H là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin không tiến hành hòa giải. Vì vậy căn cứ khoản 4 Điều 207

Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 11/6/2020, nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Nam T có mặt, Hội đồng xét xử Quyết định phiên tòa được tiến hành là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Thu H và anh Trần Nam T kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Q vào ngày 18/02/2002. Anh T và chị H là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy: Trong quá trình chung sống anh T và chị H đều nghi ngờ người kia có quan hệ ngoại tình, từ đó vợ chồng mâu thuẫn với nhau, đến năm 2017 thì anh T và chị H sống ly thân, phần ai nấy sống, không còn ai quan tâm tới ai. Như vậy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh T cũng thuận tình ly hôn với chị H. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Thu H và anh Trần Nam T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung: Trần Bảo H1, sinh ngày 25/10/2002 và Trần Minh H2, sinh này 03/10/2008.

Xét thấy: Hiện nay cháu H1 đang ở với chị H, cháu H2 đang ở với anh T và có cuộc sống ổn định. Cháu H1 có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu H2 có nguyện vọng được ở với cha. Anh T và chị H đều thống nhất về việc giao con. Vì vậy có căn cứ ghi nhận sự thỏa thuận của anh T và chị H. Giao cháu Trần Bảo H1 cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Minh H2 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị H và anh T đều khẳng định vợ chồng không nợ chung của ai, không cho ai vay mượn. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 147; 235; 266; 271 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Thu H và anh Trần Nam T.

+ **Về con chung:** Chị H và anh T có hai con chung: Trần Bảo H1, sinh ngày 25/10/2002 và Trần Minh H2, sinh ngày 03/10/2008.

Giao cháu Trần Bảo H1 cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Minh H2 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ **Án phí:** Chị Cao Thị Thu H phải chịu 300.000, đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000, đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001958 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ **Kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã Tịnh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã Tịnh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Đường sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ